

Số: 45 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt số hiệu đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 140/TTr- SGTVT ngày 18/5/2018 về việc đặt số hiệu đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt số hiệu của 87 tuyến đường huyện thuộc 15 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban



nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố tên đường huyện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ VN;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Như Điều 3 Quyết định;
- Website tỉnh Kiên Giang;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P. KTCN, P. TH;
- Lưu: VT, SGTVT, cvquoc (01b). *GL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Anh Nhịn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DANH MỤC SỐ HIỆU ĐƯỜNG HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2018/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
Thành phố Rạch Giá						
1	Đường kênh Năm Liêu	ĐH.01	Giáp kênh Rạch Giá - Hà Tiên (phường Vĩnh Thông)	Giáp ranh huyện Tân Hiệp	7,00	
2	Đường cặp kênh Rạch Giá - Long Xuyên (tả ngạn)	ĐH.02	Giáp kênh Rạch Giá - Hà Tiên (phường Vĩnh Hiệp)	Giáp ranh huyện Tân Hiệp	9,80	
Thị xã Hà Tiên						
3	Đường Xoa Áo	ĐH.03	Quốc lộ 80 (đầu đường Xoa Áo)	Quốc lộ 80	10.30	
4	Đường Mương Đào	ĐH.04	Tượng đài Mạc Cửu	Đồn Biên phòng Vàm Hàng	7.40	
5	Đường Mũi Nai	ĐH.05	Quốc lộ 80 (chân núi Pháo Đài)	ĐT.972 (UBND phường Pháo Đài)	13.10	
6	Đường Xà Xía (tên cũ đường Giếng Trượng)	ĐH.06	Quốc lộ 80 (Cống Đồn Tà)	Cầu Mương Đào	15.60	
7	Đường kênh Nông Trường	ĐH.07	Đường kênh xáng Hà Tiên	Giáp ranh huyện Giang Thành	1,50	
						63,70



TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
8	Đường vào Cột Móc 314	ĐH.08	ĐT.972	Quốc lộ 80 (Cửa khẩu Hà Tiên)	4,50	
9	Đường vườn Cao Su	ĐH.09	Quốc lộ 80 (Trường Tiểu học Thuận Yên)	Đường Nam Hồ	0,80	
10	Đường kênh xáng Hà Tiên - Kiên Lương	ĐH.10	Giáp đường Nam Hồ	Ngã ba Cờ Trắng (đường Hòn Heo - Cờ Trắng - Hòa Điền)	10,5	
Huyện Kiên Lương						
11	Đường núi MoSo	ĐH.11	ĐT.971	Khu di tích núi MoSo	3,80	
12	Đường Hòa Điền	ĐH.12	Bến dò Kiên Lương (kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Giáp ranh thị xã Hà Tiên	9,7	
13	Đường Hòn Heo	ĐH.13	Đường Hòa Điền	Ngã ba đường quanh núi	7,7	
14	Đường kênh Nông Trường	ĐH.14	Đường kênh xáng Rạch Giá - Hà Tiên	Giáp ranh Giang Thành	10,5	
15	Đường T3	ĐH.15	Km181+746 - Quốc lộ 80 (Kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Cầu Kênh 15 (Giáp ranh huyện Giang Thành)	15,0	
16	Đường quanh Hòn Nghệ	ĐH.16	UBND xã Hòn Nghệ	UBND xã Hòn Nghệ	7,50	
17	Đường quanh đảo Sơn Hải	ĐH.17	Cầu Tàu	Cầu Tàu	7,00	
Huyện Giang Thành						
18	Đường kênh Nông Trường	ĐH.18	Giáp ranh thị xã Hà Tiên	Giáp huyện Kiên Lương	14,6	
						35,60

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
19	Đường Trà Phô		ĐH.19	QL. N1, xã Phú Mỹ	Đường T3 (giáp ranh huyện Kiên Lương)	9,0
20	Đường T3		ĐH.20	Cầu Kênh 15 (giáp huyện Kiên Lương)	Quốc lộ N1	12,0
Huyện Hòn Đất						
21	Đường Kiên Hào		ĐH.21	Bến đò Kiên Hào (kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	19,8
22	Đường Mỹ Hiệp Sơn		ĐH.22	Thị trấn Sóc Sơn (kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	17,0
23	Đường Mỹ Thái		ĐH.23	Bến đò Mỹ Thái (kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	17,7
24	Đường Sơn Bình		ĐH.24	ĐT.969B	UBND xã Sơn Bình	1,50
25	Đường Quanh núi Hòn Đất		ĐH.25	Ngã ba giao ĐT.969B (Km10+400)	Ngã ba giao ĐT.969B (Km11+600)	4,40
26	Đường T5		ĐH.26	Bến đò T5 (kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	17,80
27	Đường Kênh 9 - Vạn Thành		ĐH.27	Cầu Kênh 9 - Quốc lộ 80	Cầu Vạn Thành - ĐT.969B	8,40
28	Đường quanh núi Hòn Sóc		ĐH.28	Ngã ba giao ĐT.969 (Km4)	Ngã ba Cầu Mương Lộ, Km5+675 ĐT.969	2,63
Huyện Châu Thành						
						46,14

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh	Số hiệu đường bộ			
29	Đường Thạnh Lộc	ĐH.29	Quốc lộ 80 (bến đò Kênh 6)	UBND xã Thạnh Lộc	4,80
30	Đường Giục Tượng	ĐH.30	Km 109+329, Quốc lộ 80	Giáp ranh huyện Giồng Riềng	10,0
31	Đường Cù Là - Giục Tượng	ĐH.31	Quốc lộ 61 (Tháp 4 Sư)	Cầu chợ Giục Tượng	5,0
32	Đường Minh Lương - Giục Tượng	ĐH.32	Quốc lộ 61 (chùa Cà Lang Ông)	Cầu KHI (giao đường Giục Tượng)	4,24
33	Đường Vĩnh Đăng	ĐH.33	Km 90+074, Quốc lộ 61	Cầu chợ Tà Niên	7,7
34	Đường Tà Niên	ĐH.34	Km 92+974, Quốc lộ 61	UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp	2,3
35	Đường Nguyễn Chí Thanh (nối dài)	ĐH.35	Giáp đường Tà Niên	Giáp thành phố Rạch Giá	1,8
36	Đường Chác Kha - Bàn Tân Định	ĐH.36	Quốc lộ 61 (cầu Chung Bâu)	Giáp huyện Giồng Riềng	4,9
37	Đường Chung Sư	ĐH.37	Km 104+897, Quốc lộ 80	Đường KHI	5,7
Huyện Tân Hiệp					
38	Đường Thạnh Đông	ĐH.38	Quốc lộ 80 (cầu Kinh 9)	Đường Trám Bâu	9,6
39	Đường Tân An	ĐH.39	Quốc lộ 80 (kênh Rạch Sỏi - Hậu Giang)	ĐT.961	10,6
40	Đường Tân Thành	ĐH.40	Quốc lộ 80 (cầu Tân Hiệp)	ĐT.961	10,8
41	Đường Thạnh Đông B	ĐH.41	Quốc lộ 80 (thị trấn Tân Hiệp)	Đường Trám Bâu	9,5
42	Đường Trám Bâu	ĐH.42	Kênh Rivera giáp thành phố Cần Thơ	Giáp ranh huyện Giồng Riềng	16,5

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
43	Đường Kinh Sáu – Rọc Bà Ke	ĐH.43	Quốc lộ 80 (cầu Kinh 6)	Đường Trâm Bầu	10,0	
Huyện Giồng Riềng						
44	Đường Thạnh Hòa	ĐH.44	Giáp ranh xã Giục Tương, huyện Châu Thành	ĐT.963B (thị trấn Giồng Riềng)	17,3	
45	Đường Trâm Bầu	ĐH.45	Xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng	Xã Thạnh Tri, huyện Tân Hiệp	9,3	
46	Đường Ngọc Thành	ĐH.46	ĐT.963 (Cầu KH5)	Xã Ngọc Thành	5,4	
47	Đường Ngọc Thuận	ĐH.47	ĐT.963 (Cầu KH6)	Cầu ngang cụm dân cư Kênh Ranh	12,2	
48	Đường Hòa Thuận	ĐH.48	ĐT.963 (cầu KH7)	Xã Hòa Thuận	3,7	
49	Đường Hòa An	ĐH.49	ĐT.963 (cầu Công Bình)	UBND xã Hòa An	3,2	
50	Đường Thạnh Lộc	ĐH.50	ĐT.963B (cầu Thạnh Hưng)	Kênh Ranh, xã Thạnh Lộc	12,6	
51	Đường Thới Quán	ĐH.51	Quốc lộ 61 (xã Long Thạnh)	Xã Thới Quán, huyện Gò Quao	3,0	
52	Đường Bàn Thạch	ĐH.52	Đường Thạnh Hòa	UBND xã Bàn Thạch	3,0	
Huyện Gò Quao						
53	Đường Vĩnh Hòa Hưng Bắc	ĐH.53	Quốc lộ 61 (xã Định An)	Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	6,8	
54	Đường Thủy Liễu	ĐH.54	Thị trấn Gò Quao	Xã Thủy Liễu	7,8	
55	Đường Vĩnh Phước B	ĐH.55	Thị trấn Gò Quao	ĐT.962	5,7	



TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
56	Đường Vĩnh Phước A		ĐH.56	Xã Vĩnh Thắng	Xã Vĩnh Phước A	9,2
57	Đường Thới Quán		ĐH.57	Giáp ranh huyện Giồng Riềng	Xã Thới Quán, huyện Gò Quao	3,5
58	Đường Thanh Gia		ĐH.58	Quốc lộ 61 (chùa Thanh Gia)	Bến phà Thầy Quơn	12,7
59	Đường Bàn Bé		ĐH.59	Quốc lộ 61 (cầu Cà Nhum)	ĐH.54 (Thủy Liễu)	4,5
Huyện An Biên						
60	Đường Nam Thái		ĐH.60	ĐH.61 (cầu Bàu Trám)	ĐT.964 (xã Nam Thái)	9,0
61	Đường Nam Yên		ĐH.61	Quốc lộ 63 (thị trấn Thứ Ba)	ĐT.964 (xã Nam Yên)	8,7
62	Đường Nam Thái A		ĐH.62	Quốc lộ 63 (Khu đô thị Thứ 7)	ĐT.964 (xã Nam Thái A)	9,3
Huyện U Minh Thượng						
63	Đường Hòa Chánh		ĐH.63	Quốc lộ 63 (cầu Vĩnh Tiến)	Chợ Nhà Ngang	12,7
64	Đường Vĩnh Bình Bắc		ĐH.64	ĐH.63 (đường Hòa Chánh)	Giáp ranh huyện Vĩnh Thuận	3,5
Huyện Vĩnh Thuận						
65	Đường Vĩnh Phong		ĐH.65	Buru điện thị trấn Huyện.	Cống Năm Nam	12,1
66	Đường Phong Đông		ĐH.66	Cầu sắt Cạnh Đèn	UBND xã Phong Đông	7,7
67	Đường Vĩnh Thuận		ĐH.67	Cầu Kênh 2	Ranh Hạt	6,85
68	Đường Tân Thuận		ĐH.68	ĐT.965D (cầu Kênh 1)	UBND xã Tân Thuận	4,0

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh					
69	Đường Vĩnh Bình Nam	ĐH.69	Quốc lộ 63 (Ngã 5 Bình Minh)	Kênh Rạch Cái Tàu	11,8	
70	Đường Vĩnh Bình Bắc	ĐH.70	Giáp ranh huyện U Minh Thượng	Ba Đình	7,5	
Huyện An Minh						
71	Đường Thuận Hòa	ĐH.71	ĐT.967 (kênh Tân Bằng Cán Gáo)	ĐT.964	10,8	
72	Đường Rọ Ghe	ĐH.72	ĐT.967 (kênh Tân Bằng Cán Gáo)	Xã Đông Hưng A	10,5	
73	Đường Ván Khánh Đông	ĐH.73	ĐT.965B (thị trấn Thứ 11)	Xã Ván Khánh Đông	10,5	
74	Đường Ván Khánh Tây	ĐH.74	ĐT.965B (xã Ván Khánh)	Xã Ván Khánh Tây	6,4	
75	Đường Mười Quang	ĐH.75	ĐT.965 (đê bao ngoài U Minh Thượng)	ĐT.967	11,5	
Huyện Kiên Hải						
76	Đường quanh đảo Hòn Tre	ĐH.76	Từ Km0+000	Đến Km12+000	12,0	
77	Đường quanh đảo Lại Sơn	ĐH.77	Từ Km0+000	Đến Km19+500	19,5	
78	Đường quanh đảo An Sơn	ĐH.78	Từ Km0+000	Đến Km10+100	10,1	
79	Đường quanh đảo Nam Du (Hòn Ngang)	ĐH.79	Từ Km0+000	Đến Km4+500	4,5	
Huyện Phú Quốc						
						49,7
						46,1
						40,97

TT	Tên và số hiệu đường bộ		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài
	Tên gọi đang sử dụng theo địa danh	Số hiệu đường bộ			
80	Đường Bãi Đất Đỏ	ĐH.80	ĐT.973 (đốc Cô Sáu)	Ngã Tư Quốc tế	4,5
81	Đường Suối Máy	ĐH.81	ĐT.975 (ngã 3 Suối Máy)	ĐT.973	3,8
82	Đường Hàm Ninh	ĐH.82	ĐT.973 (ngã 3 Số 10)	Cảng Hàm Ninh	3,5
83	Đường Bãi Vòng	ĐH.83	ĐT.973	Cảng Bãi Vòng	4,0
84	Đường Khu Tượng	ĐH.84	ĐT.975B	ĐT.973	4,7
85	Đường cầu C2 - Cửa Cạn	ĐH.85	ĐT.974 (cầu C2)	ĐT.975B (cầu Cửa Cạn)	8,0
86	Đường Rạch Tràm	ĐH.86	ĐT.973 (Trạm kiểm lâm Bãi Thơm)	Rạch Tràm	8,5
87	Đường Đồng Tranh	ĐH.87	ĐT.973	Khu du lịch Bãi Vòng	3,97